TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 271/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2018
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa P tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bích Liên.

2. Bà Lê Thị Lệ Thủy.

Thư ký P tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh: Không tham gia P tòa.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2018/TLST-HNGĐ ngày 29/3/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn P tòa số 205/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Mộng T, sinh năm 1982.

Thường trú: X Đường Huỳnh Tấn Phát, Tổ 5, Ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Tạm trú: Y Đường Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1977.

Trú tại: X Đường Huỳnh Tấn Phát, Tổ 5, Ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 và bản tự khai ngày 02/5/2018, nguyên đơn bà Dương Thị Mộng T trình bày:

Bà và ông Trần Văn P tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 2002, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bà T vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2016 thì cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vì ông P sống thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn yêu thương chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau. Bà và ông P đã sống ly thân từ giữa tháng 5/2017 đến nay mà vẫn không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Có 01 (một) con chung là trẻ là Trần Văn P, sinh ngày 08/01/2002, hiện đang sống chung với ông P. Sau khi ly hôn bà T đồng ý giao con cho ông P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T đề nghị tự thực hiện theo khả năng mình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Trần Văn P hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại P toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Dương Thị Mộng T yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn P. Do ông P đang cư trú tại X Đường Huỳnh Tấn Phát, tổ 5, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn P thông qua người thân thích cùng nơi cư trú, tuy nhiên ông P vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bà Dương Thị Mộng T xin ly hôn với ông Trần Văn P với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2016 đến nay mà không cải thiện được. Tại đơn xin xác nhận do bà T lập ngày 21/5/2018 được Ban nhân dân ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè xác nhận, cho thấy bà T và ông P do xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên từ giữa tháng 5/2017 đến nay cả hai không còn sống chung với nhau nữa.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại P tòa hôm nay, ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với bà T cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên ông P vẫn vắng mặt không lý do. Theo đơn xác nhận ngày 21/5/2018 do bà T nộp cho thấy cả hai thực tế đã không còn sống chung từ tháng 5/2017 đến nay mà vẫn

không cải thiện được. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P là hoàn toàn có thật, khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Dương Thị Mộng T đối với ông Trần Văn P.

[3.2] Về con chung: Bà T xác định hiện nay ông P đang trực tiếp nuôi dưỡng nên bà đồng ý giao cho ông P. Tại bản tự khai ngày 21/5/2018 con chung tên Trần Văn Phát cũng có nguyện vọng tiếp tục sống chung với ông P nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Do ông P không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà T có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008767 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Dương Thị Mộng T được ly hôn với ông Trần Văn P.

- Về con chung: Giao ông Trần Văn P tiếp tục nuôi Trần Văn P, sinh ngày 08/01/2002.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có. Nếu sau này ông P có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Dương Thị Mộng T có nghĩa vụ phải nộp, được cấn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0008767 ngày 29/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, bà T đã nộp đủ.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại P tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA P TOÀ

Lê Thu Hiền